

TÁC ĐỘNG CỦA NĂNG SUẤT YẾU TỐ TỔNG HỢP, CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

Phạm Duy Linh

Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan

Email: hufa01@yahoo.com

Ngày nhận: 01/3/2016

Ngày nhận bản sửa: 30/6/2016

Ngày duyệt đăng: 25/7/2016

Tóm tắt:

Bài viết đánh giá tác động của năng suất các yếu tố tổng hợp (Total factor productivity - TFP), chất lượng thể chế, và tương tác của chúng lên tăng trưởng kinh tế tại 72 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1996 - 2014. Phương pháp ước lượng GMM sai phân được sử dụng để kiểm định các tác động trên cho bốn nhóm mẫu phân loại theo tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người của World Bank. Kết quả cho thấy TFP, chất lượng thể chế và tương tác của chúng có tác động dương ý nghĩa lên tăng trưởng ở mẫu tổng thể và mẫu các quốc gia có thu nhập trung bình khá. Bên cạnh đó, có một vài khác biệt ở các nhóm quốc gia như: với mẫu thu nhập trung bình thấp, chất lượng thể chế lại có tác động âm và ở nhóm mẫu thu nhập cao thì tương tác giữa TFP và chất lượng thể chế cũng phát hiện tác động âm tới tăng trưởng.

Từ khóa: Các nước đang phát triển; TFP; thể chế; tăng trưởng kinh tế

Impact of total factor productivity, institutional quality on economic growth in developing countries

Abstract:

The purpose of this study is to empirically investigate the effects of TFP, institutional quality and their interaction on economic growth in developing countries. Using panel data of 72 developing countries over the period of 1996-2014 and the estimation method of difference panel GMM Arellano-Bond, the estimated results for four sample show that TFP, institutional quality and their interaction have significantly positive effects on economic growth for the whole sample and the upper-middle-income countries. In addition, the results show that institutional quality has significantly negative effects on economic growth for the lower-income countries, and for the high-income countries the interaction between TFP and institutional quality also has significantly negative effects.

Keywords: Economic growth; developing countries; institutions; TFP.

1. Giới thiệu

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để nâng cao mức sống của người dân là mục tiêu chính của hầu hết các chính phủ trên thế giới. Với nguồn vốn và lực lượng lao động có hạn, việc gia tăng sản lượng ở các nước đang phát triển thông qua nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, lao động và các yếu tố đầu vào khác là một trong những giải pháp hợp lý trong hoàn cảnh hiện nay. Kể từ khi Robert Solow giới thiệu lý thuyết tăng trưởng kinh tế của mình, khái niệm năng suất các yếu tố tổng hợp đã được các nhà nghiên cứu

tim hiểu và phân tích. Hầu hết các nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế gần đây, đặc biệt là lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã nhận định TFP là yếu tố tạo nên sự khác biệt về tăng trưởng giữa các quốc gia, đồng thời nó còn phản ánh chất lượng tăng trưởng trong dài hạn.

Tầm quan trọng của thể chế đối với phát triển kinh tế đã được hệ thống hóa thành một ngành riêng trong nghiên cứu đó là kinh tế học thể chế. Đặc biệt với những nghiên cứu của Ronald Coase đã phát triển trào lưu về kinh tế học thể chế mới với đối

tượng nghiên cứu là những quy ước xã hội, những quy định pháp lý ảnh hưởng đến hành vi của các chủ thể kinh tế. Coase (1998, 74) nhận định “chuyên môn hóa chỉ khả thi khi có trao đổi, và chi phí trao đổi càng thấp, trình độ chuyên môn hóa càng cao và năng suất càng lớn. Nhưng chi phí trao đổi phụ thuộc vào các thể chế của một quốc gia: hệ thống luật pháp, hệ thống chính trị, hệ thống xã hội, hệ thống giáo dục, nền văn hóa... Trên thực tế, chính các thể chế này chi phối các hoạt động của nền kinh tế và chính chúng tạo nên tầm quan trọng của kinh tế học thể chế mới đến các nhà kinh tế học”.

Đa số các nghiên cứu thực nghiệm khi xem xét vai trò độc lập của TFP và chất lượng thể chế đều phát hiện tác động dương của từng yếu tố lên tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, việc đặt cả hai yếu tố này trong cùng một mô hình để xem xét tác động đồng thời và sự tương tác của chúng lên tăng trưởng thì có ít nghiên cứu thực hiện. Dựa trên khung phân tích của North & Thomas (1973), bài viết đánh giá tác động của TFP, chất lượng thể chế, và tương tác của chúng lên tăng trưởng kinh tế ở 72 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1996 – 2014. Phân tích thực nghiệm được tiến hành trên bốn mẫu nghiên cứu thông qua phương pháp ước lượng GMM sai phân. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng 6 chỉ số quản trị công do World Bank công bố để dẫn xuất cho chất lượng thể chế nhằm tìm kiếm một kết quả toàn diện nhất về vai trò của thể chế.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về mối quan hệ của TFP, thể chế và tăng trưởng kinh tế

Năng suất yếu tố tổng hợp được Solow (1956) đề cập tới khi giải thích nguồn gốc của sự tăng trưởng kinh tế dưới dạng hàm sản xuất Cobb- Douglas:

$$Y = F(A, K, L)$$

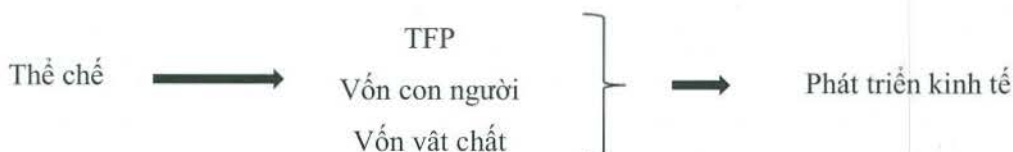
Tại mô hình của mình, Solow đã đề cập tới vai trò của yếu tố (A) trong thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn. Tuy nhiên, căn nguyên của tăng trưởng TFP về cơ bản xuất phát từ tiến bộ công nghệ, nhưng lại không giải thích sự tiến bộ này diễn ra như thế nào,

hay bản thân tăng trưởng có ảnh hưởng tới nó không. Vì thế, yếu tố này không thể giải thích thỏa đáng sự tồn tại khoảng cách thu nhập bình quân đầu người trong dài hạn giữa các quốc gia. Việc tìm kiếm các nguồn gốc của tăng trưởng TFP để giải thích thuyết phục về sự khác biệt GDP bình quân đầu người giữa các quốc gia là cần thiết trong nghiên cứu về tăng trưởng gần đây. Paul Romer và Robert Lucas đã phát triển lý thuyết tăng trưởng nội sinh để giải thích rõ hơn cho phần dư là yếu tố A hay được xem là TFP trong mô hình của Solow. Trong mô hình nội sinh yếu tố tiến bộ công nghệ được xem là nội sinh có nghĩa là sự thay đổi vốn và lao động cũng dẫn tới sự thay đổi về công nghệ. Đồng thời, mô hình tăng trưởng nội sinh đưa ra yếu tố vốn con người (trình độ lao động, sức khỏe, kỹ năng), và chứng minh tiến bộ công nghệ là kết quả đầu ra của việc đầu tư vào vốn con người, do đó để duy trì tăng trưởng trong dài hạn thì cần đầu tư vào vốn con người.

Lý thuyết về kinh tế học thể chế mới đã xem xét thể chế như một yếu tố căn nguyên dẫn tới những thay đổi của các yếu tố trong hàm sản xuất, từ đó tác động đến tăng trưởng. North & Thomas (1973) đề xuất khung lý thuyết trong đó phân tách yếu tố quyết định tác động tới phát triển kinh tế bao gồm yếu tố trực tiếp (Proximate determinants) và yếu tố căn nguyên (Fundamental determinants), cụ thể hai tác giả biện luận mối quan hệ nhân quả trong đó xem thể chế là yếu tố căn nguyên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Hình 1).

Trong nghiên cứu tiếp theo, North cũng lập luận cho thấy sự khác biệt trong thể chế sẽ dẫn tới sự khác biệt về thành quả phát triển kinh tế. North (1990, 107) nhận xét: “Tôi muốn khẳng định một vai trò rất cơ bản của thể chế trong xã hội; chúng là yếu tố gốc rễ của hiệu suất nền kinh tế trong dài hạn”. Acemoglu & cộng sự (2001) cũng nhận định các quốc gia với thể chế tốt hơn, quyền sở hữu an toàn hơn, các chính sách ít bị bóp méo sẽ đầu tư nhiều hơn vào vốn vật chất và vốn con người, đồng thời sẽ sử dụng hiệu quả hơn những yếu tố này để đạt tới mức thu nhập cao hơn.

Hình 1: Khung phân tích tác động của thể chế tới phát triển kinh tế



Nguồn: North & Thomas (1973)

Kết nối ba lý thuyết tăng trưởng trên có thể thấy, lý thuyết tân cổ điển và lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã tìm hiểu và phân tích tầm quan trọng của TFP đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, yếu tố thể chế mặc dù có được đề cập nhưng nó chưa được đưa vào để xem xét như một yếu tố trong mô hình. Solow (2001) cũng thừa nhận thiếu sót này và cho rằng các yếu tố trong hàm sản xuất còn bao hàm rất nhiều yếu tố phi kỹ thuật không đo lường được, trong đó có thể chế.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm

Các nghiên cứu về tác động của thể chế tới tăng trưởng

Knack & Keefer (1995) kiểm định tác động của thể chế tới tăng trưởng kinh tế và đầu tư tư nhân trên mẫu gồm 97 quốc gia trong giai đoạn từ 1974-1989. Bằng kỹ thuật ước lượng OLS cho hai mô hình với biến phụ thuộc là GDP bình quân đầu người, và đầu tư tư nhân, kết quả cho thấy thể chế có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời có tác động dương có ý nghĩa tới đầu tư tư nhân. Gani (2011) nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị công với khung chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế với mẫu 84 quốc gia đang phát triển. Kết quả cho thấy, sự ổn định chính trị và hiệu quả của chính phủ là tác động dương, có ý nghĩa với tăng trưởng. Andersen & Jensen (2013) tiến hành kiểm định ảnh hưởng của thể chế (dẫn xuất bởi chỉ số tuân thủ luật pháp do WB công bố) tới tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia vùng Sahara Châu Phi trong giai đoạn từ 1995 – 2007. Kết quả cho thấy sự khác biệt về chất lượng thể chế dẫn tới sự khác biệt trong tăng trưởng, các quốc gia có chất lượng thể chế tốt có mức tăng trưởng nhanh hơn các quốc gia có chất lượng thể chế kém. Acemoglu & cộng sự (2014) đã cung cấp một bằng chứng cho thấy dân chủ có một tác động dương mạnh mẽ tới tăng trưởng. Nghiên cứu kết luận dân chủ hóa làm tăng khoảng 20% GDP bình quân đầu người trong dài hạn. Sự gia tăng này là do dân chủ tạo ra sự khuyến khích đầu tư, tăng tỷ lệ nhập học, thúc đẩy cải cách kinh tế, cải thiện việc cung cấp hàng hóa công và giảm tình trạng bất ổn xã hội. Gần đây, Fayissa & Gill (2015) kiểm tra tác động của quản trị công lên tăng trưởng kinh tế tại một số quốc gia Châu Á đã phát hiện chất lượng quản trị công có mối quan hệ dương ý nghĩa với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này.

Các nghiên cứu về tác động của TFP tới tăng trưởng

Reem Limam & Miller (2004) nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế trên dữ liệu gồm 80 quốc gia

phát triển và đang phát triển trong giai đoạn từ 1960 -1989. Các tác giả nhận định đóng góp của TFP tới tăng trưởng đạt cao nhất thuộc về khu vực Đông và Nam Châu Á, tiếp theo đó là ở nhóm quốc gia Tây Âu, trong khi ở khu vực Châu Mỹ Latin và Châu Phi thì đóng góp của TFP vào tăng trưởng là âm. Đổi mới công nghệ là nguồn cung cấp chính của tăng trưởng TFP tại các nước phát triển, còn đối với các nước đang phát triển thì việc nhập khẩu và hấp thụ tốt tiến bộ công nghệ của các nước phát triển góp phần thúc đẩy gia tăng TFP. Daude & Fernández-Arias (2010) nghiên cứu tại các nước Châu Mỹ Latin và Caribe trong giai đoạn từ 1960 – 2005 đã kết luận TFP là yếu tố chiếm ưu thế trong việc tác động tới tăng trưởng, vì vậy vấn đề của các nước này là làm thế nào để thu hẹp khoảng cách về năng suất, đạt được TFP cao hơn sẽ làm gia tăng hiệu quả của việc tích lũy vốn vật chất và vốn nhân lực cho phát triển kinh tế. Park (2012) nghiên cứu tại một số nước Châu Á đưa ra kết luận như sau: (i) Mô hình hạch toán tăng trưởng đã dịch chuyển trong thập kỷ gần đây sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất; (ii) Hiệu ứng bắt kịp (catch-up effects) là nguyên nhân chính của tăng trưởng TFP trong những thập kỷ qua, và đóng góp của vốn tri thức cho tăng trưởng TFP cuối cùng tăng lên ở Hong Kong, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan trong thập kỷ gần nhất nhưng dừng lại hoặc yếu đi cho các nền kinh tế Châu Á khác; (iii) Khuyến nghị tăng trưởng dựa trên năng suất sẽ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng dài hạn ở các nền kinh tế Châu Á. Trong một nghiên cứu mới đây, Abdychev & cộng sự (2015) chỉ ra ở nhiều quốc gia thu nhập trung bình nhỏ ở khu vực Hạ-Sahara Châu Phi, giống như ở các quốc gia thu nhập trung bình ở các khu vực khác, tốc độ tăng trưởng đang chậm lại, thể hiện qua sự sụt giảm trong đóng góp của TFP, điều này nêu bật vai trò quan trọng của các chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng TFP.

Tóm lại, đa số các nghiên cứu thực nghiệm trước đây mới chỉ xem xét riêng lẻ về vai trò của thể chế và TFP đến tăng trưởng. Cũng có một số nghiên cứu kết hợp ba yếu tố này, tuy nhiên chỉ dừng lại ở phạm vi hẹp của thể chế và TFP như nghiên cứu của Huang & Xu (1999), Henriksen & cộng sự (2011). Trong khi đó như biện luận của các lý thuyết được đề cập thì đây là một chuỗi mối quan hệ mà ở đó các yếu tố này tương tác, hỗ trợ với nhau để tạo động lực cho tăng trưởng, và chưa có nghiên cứu nào đánh giá sự tương tác của thể chế và TFP đến tăng trưởng kinh tế.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Xây dựng mô hình thực nghiệm

Khung phân tích của mô hình được bắt đầu từ hàm sản xuất Cobb-Douglas truyền thống của một nền kinh tế như sau:

$$Y = AK^\alpha L^{1-\alpha}, \quad 0 < \alpha < 1 \quad (3.1)$$

Với Y là GDP thực; K là vốn đầu tư trong nước thực; L là số lao động làm việc; A là năng suất các yếu tố tổng hợp; α , $1 - \alpha$ lần lượt là hệ số co giãn của sản lượng theo vốn và lao động.

Chia cả hai vế của (3.1) cho lực lượng lao động (L), phương trình (3.1) được biểu diễn dưới dạng bình quân đầu người như sau:

$$\frac{Y}{L} = A \left(\frac{K}{L} \right)^\alpha \quad (3.2)$$

Biến đổi (3.2) theo dạng log-linear:

$$\log \frac{Y}{L} = \log A + \alpha \log \left(\frac{K}{L} \right) \quad (3.3)$$

Phương trình (3.3) dưới dạng chuỗi thời gian:

$$\left(\frac{Y}{L} \right)_{i,t} = (A)_{i,t} + \alpha \left(\frac{K}{L} \right)_{i,t} \quad (3.4)$$

Trong nghiên cứu này, lượng vốn K được xác định theo tỷ lệ của GDP nên phương trình (3.4) được viết lại như sau:

$$\left(\frac{GDP}{L} \right)_{i,t} = (A)_{i,t} + \alpha_1 \left(\frac{TINV}{GDP} \right)_{i,t} + \alpha_2 (LABO)_{i,t} \quad (3.5)$$

Dựa trên khung lý thuyết của North & Thomas (1973) và nghiên cứu của Romer (1990), Islam (2008) thì yếu tố A – hay còn được coi là TFP sẽ có các yếu tố khác tác động tới nó như chất lượng thể chế, độ mở thương mại, cơ sở hạ tầng, chi tiêu chính phủ. Do vậy, (A) trong phương trình (3.5) được thể hiện như sau:

$$(A)_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 (INS)_{i,t} + \beta_2 \left(\frac{GEXP}{GDP} \right)_{i,t} + \beta_3 (OPEN)_{i,t} + \beta_4 (INF)_{i,t} + \beta_5 (TELE)_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3.6)$$

Vì thế phương trình (3.5) viết lại như sau:

$$\left(\frac{GDP}{L} \right)_{i,t} = \alpha_1 (TFP)_{i,t} + \alpha_2 (INS)_{i,t} + \alpha_3 \left(\frac{TINV}{GDP} \right)_{i,t} + \alpha_4 \left(\frac{GEXP}{GDP} \right)_{i,t} + \alpha_5 (LABO)_{i,t} + \alpha_6 (OPEN)_{i,t} + \alpha_7 (INF)_{i,t} + \alpha_8 (TELE)_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3.7)$$

Trong đó:

INS là biến đo lường chất lượng thể chế. TINV là tổng đầu tư trong nước. GEXP là khoản chi tiêu của

chính phủ. OPEN là biến độ mở thương mại. INF là biến lạm phát hàng năm được thêm vào để thể hiện sự ổn định kinh tế vĩ mô. TELE là biến dẫn xuất cho cơ sở hạ tầng.

Barro & cộng sự (1991) đề xuất lý thuyết hội tụ có điều kiện về thu nhập bình quân đầu người giữa các quốc gia trong dài hạn. Điều này hàm ý trong mô hình tăng trưởng, hệ số ước lượng của thu nhập bình quân đầu người ban đầu có giá trị âm. Do vậy, nghiên cứu thử cho thu nhập bình quân đầu người ban đầu $(GDP/L)_{i,t-1}$ ở 2 vế của phương trình (3.7), ta được phương trình sau:

$$\begin{aligned} \left(\frac{GDP}{L} \right)_{i,t} - \left(\frac{GDP}{L} \right)_{i,t-1} = & \alpha_0 \left(\frac{GDP}{L} \right)_{i,t-1} + \\ & \alpha_1 (TFP)_{i,t} + \alpha_2 (INS)_{i,t} + \alpha_3 \left(\frac{TINV}{GDP} \right)_{i,t} + \\ & \alpha_4 \left(\frac{GEXP}{GDP} \right)_{i,t} + \alpha_5 (LABO)_{i,t} + \alpha_6 (OPEN)_{i,t} + \\ & \alpha_7 (INF)_{i,t} + \alpha_8 (TELE)_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3.8) \end{aligned}$$

Dựa trên khung phân tích mô hình được trình bày trên, mô hình ước lượng có dạng như sau:

$$\begin{aligned} \Delta Y_{it} = & \beta_0 + \beta_1 Y_{it-1} + \beta_2 TFP_{i,t} + \beta_3 INS_{i,t} + \beta_4 TFP \\ & \times ISN_{i,t} + Z'_{it} \beta_5 + \eta_i + \xi_{it} \quad (3.9) \end{aligned}$$

Phương trình (3.9) với $\Delta Y_{it} = Y_{it} - Y_{it-1}$ là sai phân bậc nhất của Y_{it} , đại diện cho tốc độ tăng trưởng kinh tế; Y_{it-1} ở phía bên phải của phương trình đại diện mức thu nhập ban đầu; Biến tương tác giữa TFP và thể chế ký hiệu là $TFP \times ISN_{i,t}$ được đưa vào để xem liệu sự tương tác của chúng có tạo thêm hiệu ứng nào tới tăng trưởng kinh tế không. Z_{it} là một vector bao gồm các biến kiểm soát; η_i là sai số không quan sát được (đặc điểm riêng của từng quốc gia, bất biến theo thời gian) và ξ_{it} là sai số quan sát được.

3.2. Phương pháp và dữ liệu

3.2.1. Phương pháp ước lượng

Do tính chất của các biến nghiên cứu đều là các biến số vĩ mô, thường có tác động hai chiều, ví dụ như biến TFP có thể là biến nội sinh khi nó tác động tới độ mở thương mại và ngược lại độ mở thương mại cũng tác động tới năng suất yếu tố tổng hợp. Bên cạnh đó, TFP và chất lượng thể chế có mối quan hệ hai chiều với tăng trưởng kinh tế. Vì thế, việc hồi qui các biến này có thể dẫn đến sự tương quan với sai số và một số biến khác có thể có những thuộc tính tương tự. Phương pháp hồi quy GMM sai phân có thể xử lý tốt hơn các vấn đề nội sinh trong mô hình. Ngoài ra nó còn khai thác dữ liệu gộp của

Bảng 1: Mô tả tóm tắt các biến và nguồn dữ liệu

| Ký hiệu biến | Mô tả | Nguồn |
|--------------|--|---|
| GDP | GDP bình quân đầu người theo giá năm 2005 | World Bank |
| TFP | % Tăng trưởng TFP tính theo chỉ số Tornqvist index | The Conference Board, Total economic database |
| INS | Chất lượng thể chế đo bằng sáu biến của bộ chỉ số Governance indicators với thang điểm từ -2.5 đến 2.5 INS1: Kiểm soát tham nhũng (Control of Corruption) INS2: Hiệu quả chính phủ (Government Effectiveness) INS3: Tính ổn định chính trị và không bạo lực (Political Stability and Absence of Violence) INS4: Chất lượng lập pháp (Regulatory Quality) INS5: Tuân thủ luật pháp (Rule of Law) INS6: Tiếng nói và trách nhiệm giải trình (Voice and Accountability) | World Bank |
| OPEN | Độ mở thương mại tính bằng Xuất khẩu + Nhập khẩu/ GDP | World Bank |
| TINV | Tổng đầu tư trong nước tính theo %/GDP | World Bank, IMF |
| GEXP | Chi ngân sách tính theo %/GDP | World Bank |
| LABO | Lực lượng lao động tính theo % trên tổng dân số | World Bank |
| INF | Lạm phát | World Bank, IMF |
| TELE | Số điện thoại cố định trên 100 dân (Đại diện cơ sở hạ tầng) | World Bank |

Nguồn: Tác giả tổng hợp

bảng và không ràng buộc độ dài chuỗi dữ liệu thời gian của các đơn vị bảng trong bảng dữ liệu. Điều này cho phép sử dụng một cấu trúc trễ thích hợp để thay khác đặc tính động của dữ liệu. Tính phù hợp của các biến công cụ trong ước lượng GMM sai phân dữ liệu bảng được đánh giá thông qua thống kê Sargan và thống kê Arellano-Bond. Giá trị p-value của thống kê Sargan càng lớn càng tốt và giá trị AR(2) đạt từ 0.1 trở lên để đảm bảo các công cụ được sử dụng trong mô hình là ngoại sinh, không tương quan với phần dư và các biến không có hiện tượng tự tương quan.

3.2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Bài viết xây dựng bộ dữ liệu bảng cân bằng của 72 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1996 – 2014 được phân loại theo tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người của World Bank, bao gồm 10 quốc gia thuộc nhóm thu nhập thấp, 22 quốc gia thu nhập trung bình thấp, 22 quốc gia thu nhập trung bình khá và 18 quốc gia thu nhập cao.

4. Kết quả và bàn luận

Kết quả ước lượng cho mẫu tổng thể gồm 72 quốc gia đang phát triển ở Bảng 3 cho thấy:

(i) Biến trễ GDP (-1) có tác động âm ý nghĩa ở mức 1% lên tăng trưởng kinh tế, khẳng định tính hội tụ có điều kiện về thu nhập bình quân đầu người. Theo đó,

Bảng 2: Thống kê mô tả các biến

| Các biến | Obs | Mean | Std.Dev. | Min | Max |
|----------|------|----------|----------|---------|----------|
| GDP | 1368 | 4731.029 | 6580.702 | 129.782 | 46856.84 |
| TFP | 1368 | 0.886 | 4.1590 | -22.180 | 44.281 |
| INS1 | 1368 | -0.318 | 0.643 | -1.551 | 1.764 |
| INS2 | 1368 | -0.187 | 0.620 | -1.494 | 1.595 |
| INS3 | 1368 | -0.353 | 0.790 | -2.812 | 1.346 |
| INS4 | 1368 | -0.121 | 0.688 | -2.149 | 1.674 |
| INS5 | 1368 | -0.303 | 0.668 | -1.889 | 1.450 |
| INS6 | 1368 | -0.297 | 0.768 | -2.098 | 1.472 |
| TINV | 1368 | 21.964 | 6.208 | 5.385 | 45.869 |
| GEXP | 1368 | 28.383 | 9.503 | 0.552 | 55.394 |
| LABO | 1368 | 62.156 | 7.474 | 46.792 | 85.963 |
| OPEN | 1368 | 76.429 | 35.400 | 15.580 | 220.407 |
| INF | 1368 | 14.408 | 117.580 | -8.484 | 4145.107 |
| TELE | 1368 | 13.847 | 12.357 | 0.102 | 52.922 |

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata

Bảng 3: Ước lượng GMM sai phân Arellano-Bond cho mẫu tổng thể

| Biến phụ thuộc: Δ GDP bình quân đầu người | | | | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | INS1 | INS2 | INS3 | INS4 | INS5 | INS6 |
| GDP bình quân (-1) | -0.255*** | -0.257*** | -0.253*** | -0.185*** | -0.260*** | -0.200*** |
| TFP | 0.920*** | 0.823*** | 0.954*** | 0.958*** | 0.755*** | 0.836*** |
| Thế chế | 10.271** | 2.120* | 9.554** | 2.421*** | 8.629** | 10.060** |
| TFP*Thế chế | 0.419*** | 0.372*** | 0.365*** | 0.494*** | 0.341*** | 0.410*** |
| Đầu tư trong nước | 0.204*** | 0.245*** | 0.194*** | 0.209*** | 0.157*** | 0.143*** |
| Chi tiêu chính phủ | -0.037 | -0.116 | -0.040 | -0.020 | -0.216 | -0.212 |
| Lực lượng lao động | 3.724*** | 3.456*** | 3.747*** | 2.450*** | 3.394*** | 2.866*** |
| Độ mở thương mại | 0.087* | 0.117*** | 0.092* | 0.100*** | 0.153*** | 0.134*** |
| Lạm phát | 0.116*** | 0.099*** | 0.151*** | 0.089*** | 0.087*** | 0.076** |
| Cơ sở hạ tầng | -0.081*** | -0.068*** | -0.070*** | -0.037* | -0.057** | -0.051** |
| Obs | 1152 | 1152 | 1152 | 1152 | 1080 | 1080 |
| AR(2) test | 0.246 | 0.293 | 0.143 | 0.475 | 0.143 | 0.568 |
| Sargan test | 0.273 | 0.110 | 0.785 | 0.148 | 0.106 | 0.141 |

Ghi chú: ***, **, *: ký hiệu lần lượt cho các mức ý nghĩa 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata

các quốc gia đang phát triển cùng tiến đến một mức thu nhập trung bình chung nhất trong dài hạn.

(ii) Sáu biến đo lường chất lượng thể chế và tăng trưởng TFP có tác động dương ý nghĩa lên tăng trưởng kinh tế.

Việc gia tăng năng suất của một yếu tố hay toàn bộ các yếu tố đầu vào thể hiện tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất ngày một cao, điều này sẽ làm cho mức sản lượng tăng lên trên cùng một yếu tố đầu vào so với trước đó. Sự tăng lên này được các nhà nghiên cứu đánh giá là sự tăng trưởng theo chiều sâu của nền kinh tế, nó góp phần duy trì tăng trưởng dài hạn trong tương lai. Tác động dương của TFP tới tăng trưởng cũng nhất quán

với một số nghiên cứu của Hall & Jones (1999), Daude & Fernández-Arias (2010), Park (2012). Tương tự, tác động dương có ý nghĩa của chất lượng thể chế lên tăng trưởng kinh tế cho thấy chất lượng thể chế kinh tế tốt giúp môi trường kinh doanh được cải thiện, các quyền sở hữu, quyền về tài sản được đảm bảo, chính sách minh bạch và nhất quán từ đó góp phần làm giảm các chi phí giao dịch, gia tăng quy mô sản xuất của nền kinh tế. Chất lượng thể chế chính trị tốt trước hết làm giảm tham nhũng và tăng hiệu quả điều hành của chính phủ, đảm bảo ổn định chính trị, nâng cao quyền tự do dân chủ của người dân, qua đó nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, gia tăng tích lũy vốn con người.

Bảng 4: Ước lượng GMM sai phân Arellano-Bond cho mẫu thu nhập trung bình thấp

| Biến phụ thuộc: Δ GDP bình quân đầu người | | | | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | INS1 | INS2 | INS3 | INS4 | INS5 | INS6 |
| GDP bình quân (-1) | -0.342*** | -0.417*** | -0.212*** | -0.217*** | -0.370*** | -0.439*** |
| TFP | 0.869*** | 0.623*** | 1.065*** | 1.199*** | 1.196*** | 0.548*** |
| Thế chế | -17.805** | -11.065** | -9.344** | -3.162** | -3.480 | -7.851* |
| TFP*Thế chế | 0.513* | 0.260* | 0.321*** | 0.922*** | 0.817*** | 0.235 |
| Đầu tư trong nước | 1.379*** | 0.681*** | 0.369*** | 0.243*** | 0.661*** | 0.693*** |
| Chi tiêu chính phủ | 0.034 | -0.130 | 0.111 | 0.036 | -0.078 | -0.130 |
| Lực lượng lao động | 4.209*** | 5.897*** | 2.909*** | 2.965*** | 5.169*** | 6.181*** |
| Độ mở thương mại | -0.112 | -0.048 | -0.020 | -0.017 | -0.025 | 0.047 |
| Lạm phát | -0.011 | 0.124 | -0.037 | 0.013 | -0.047 | -0.029 |
| Cơ sở hạ tầng | -0.153*** | -0.105*** | -0.029*** | -0.019** | -0.088*** | -0.103*** |
| Obs | 308 | 352 | 352 | 352 | 352 | 330 |
| AR(2) test | 0.539 | 0.121 | 0.939 | 0.684 | 0.101 | 0.107 |
| Sargan test | 0.128 | 0.209 | 0.225 | 0.195 | 0.193 | 0.207 |

Ghi chú: ***, **, *: ký hiệu lần lượt cho các mức ý nghĩa 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata

Bảng 5: Ước lượng GMM sai phân Arellano-Bond cho mẫu thu nhập trung bình khá

| Biến phụ thuộc: Δ GDP bình quân đầu người | | | | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | INS1 | INS2 | INS3 | INS4 | INS5 | INS6 |
| GDP bình quân (-1) | -0.216*** | -0.385*** | -0.373*** | -0.265*** | -0.251*** | -0.153*** |
| TFP | 0.710*** | .237** | 0.768*** | 0.482*** | 0.710*** | 1.224*** |
| Thế chế | 8.413** | 3.832* | 8.045** | 3.138* | 12.449** | -3.832** |
| TFP*Thế chế | 0.839*** | .368** | 0.669*** | 0.371*** | 0.948*** | 0.952*** |
| Đầu tư trong nước | 0.090 | .299 | 0.204 | -0.032 | 0.313 | 0.299 |
| Chỉ tiêu chính phủ | -0.036 | -.252 | -0.080 | -0.052 | -0.245 | -0.117 |
| Lực lượng lao động | 2.490*** | 4.467*** | 5.214*** | 3.203*** | 2.456*** | 1.599*** |
| Độ mở thương mại | 0.210*** | .242*** | 0.141** | 0.198*** | 0.257*** | 0.058* |
| Lạm phát | -0.029 | -.041 | 0.029 | -0.012 | -0.038 | -0.039 |
| Cơ sở hạ tầng | -0.072*** | -.156*** | -0.122*** | -0.070*** | -0.088*** | -0.0007 |
| Obs | 352 | 308 | 352 | 352 | 352 | 330 |
| AR(2) test | 0.440 | 0.149 | 0.497 | 0.136 | 0.694 | 0.115 |
| Sargan test | 0.133 | 0.184 | 0.805 | 0.198 | 0.123 | 0.378 |

Ghi chú: ***, **, *: ký hiệu lần lượt cho các mức ý nghĩa 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata

(iii) Đầu tư trong nước, lực lượng lao động, độ mở thương mại và lạm phát có tác động dương trong khi cơ sở hạ tầng có tác động âm ý nghĩa lên tăng trưởng kinh tế.

Mô hình tăng trưởng nội sinh xác định vốn đầu tư và lực lượng lao động là những nguồn lực đầu vào quan trọng có tính nội sinh trong việc thúc đẩy tăng trưởng. Đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển thì vốn và lao động vẫn là yếu tố chính gia tăng sản lượng đầu ra. Vai trò tích cực của độ mở thương mại đến tăng trưởng được các nghiên cứu thực nghiệm tiêu biểu của Harrison (1996) khẳng định. Các chính sách mở cửa kinh tế, khuyến khích xuất khẩu, phát triển hoạt động ngoại thương sẽ giúp cho các nước đang phát triển tận dụng được những lợi thế về lao động, tiếp thu những hàng hóa và công nghệ tiên tiến. Tác động dương của lạm phát lên tăng trưởng

cũng được tìm thấy trong các nghiên cứu trước đây, với lập luận tác động dương này đến từ các lợi ích của lạm phát trong việc thúc đẩy tiết kiệm và đầu tư. Kết quả ước lượng cho thấy cơ sở hạ tầng có tác động âm lên tăng trưởng, điều này có thể do việc sử dụng biến dẫn xuất cho cơ sở hạ tầng của bài nghiên cứu. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu thêm về vai trò của cơ sở hạ tầng đối với tăng trưởng tại nhóm quốc gia đang phát triển.

(iv) Ngoài ra, kết quả nghiên cứu phát hiện tương tác của TFP và chất lượng thể chế có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế với ý nghĩa thống kê ở mức 1% cho toàn bộ cả sáu biến thể chế. Phát hiện này góp phần bổ sung về mặt thực nghiệm cho mối quan hệ giữa thể chế và TFP. Các chính sách ban hành từ môi trường thể chế được cải thiện có tác động khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào con

Bảng 6: Ước lượng GMM sai phân Arellano-Bond cho mẫu thu nhập cao

| Biến phụ thuộc: Δ GDP bình quân đầu người | | | | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | INS1 | INS2 | INS3 | INS4 | INS5 | INS6 |
| GDP bình quân (-1) | -0.193*** | -0.126*** | -0.114** | -0.088** | -0.120*** | 0-.102*** |
| TFP | 0.844*** | 0.849*** | 0.828*** | 0.949*** | 0.842*** | 0.774*** |
| Thế chế | 3.981* | 10.733*** | 9.641** | 2.851* | 1.229 | 10.049** |
| TFP*Thế chế | -0.022 | -0.132* | -0.190*** | -0.165*** | -0.136** | -0.142** |
| Đầu tư trong nước | 0.293*** | 0.265*** | 0.252*** | 0.259*** | 0.423*** | 0.343*** |
| Chỉ tiêu chính phủ | 0.001 | -0.181 | -0.112 | -0.071 | -0.103 | -0.155 |
| Lực lượng lao động | 0.032 | -0.546 | -0.391 | -0.427 | -0.388 | -0.303 |
| Độ mở thương mại | 0.047 | .246*** | 0.242*** | 0.208*** | 0.213*** | 0.259*** |
| Lạm phát | 0.016 | -0.007 | 0.031 | 0.079 | 0.092 | 0.072 |
| Cơ sở hạ tầng | 0.034 | 0.027 | 0.002 | -0.011 | -0.034 | -0.078 |
| Obs | 288 | 252 | 288 | 288 | 270 | 288 |
| AR(2) test | 0.189 | 0.775 | 0.614 | 0.804 | 0.778 | 0.713 |
| Sargan test | 0.123 | 0.281 | 0.608 | 0.312 | 0.109 | 0.126 |

Ghi chú: ***, **, *: ký hiệu lần lượt cho các mức ý nghĩa 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata

người nhiều hơn như nâng cao trình độ tay nghề, tăng phúc lợi cho người lao động, do vậy mà giúp cho năng suất tăng thêm, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhiều hơn.

Bài viết tiếp tục ước lượng cho ba mẫu phụ để xem xét có sự khác biệt giữa các nhóm quốc gia hay không (do nhóm quốc gia thu nhập thấp chỉ có 10 nước nên không thực hiện ước lượng riêng cho nhóm này). Kết quả được thể hiện trong các Bảng 4, Bảng 5 và Bảng 6.

Một số nhận định so với mẫu tổng thể:

Thứ nhất, kết quả ước lượng cho nhóm quốc gia có thu nhập trung bình khá là tương đồng như mẫu tổng thể khi biến TFP, chất lượng thể chế và tương tác của chúng đều có tác động dương ý nghĩa lên tăng trưởng. Điều này là phù hợp với thực tế bởi đây là nhóm quốc gia đang có tăng trưởng ổn định, nhờ sự hiệu quả trong việc sử dụng các yếu tố đầu vào và có một môi trường thể chế khá thuận lợi để kích thích kinh tế, ví dụ như các nước Brazil, China, Malaysia, Thailand, Angola.

Thứ hai, khác với kết quả ở mẫu tổng thể, đối với mẫu quốc gia thu nhập trung bình thấp thì biến TFP và biến tương tác có tác động dương trong khi thể chế thể hiện tác động âm ý nghĩa lên tăng trưởng. Kết quả này có thể lý giải bởi điểm chất lượng thể chế tại các quốc gia này khá thấp, cùng với việc chậm cải cách thể chế hoặc việc cải cách, ban hành chính sách chỉ mang lại lợi ích cho một vài nhóm người trong xã hội (hành vi trục lợi chính sách). Do đó, thể chế không mang lại lợi ích cho người dân, làm bóp méo các hoạt động kinh tế và kìm hãm đà tăng trưởng. Trong nghiên cứu của Siddiqui & Ahmed (2013) cũng kết luận chất lượng thể chế liên quan đến xác định mức thu nhập bình quân, chất lượng thể chế tốt dẫn tới tăng trưởng nhanh, các nền kinh tế đang chuyển đổi và chậm phát triển cần đẩy nhanh quá trình cải cách, nâng cao chất lượng thể chế.

Cũng khác với kết quả tại mẫu tổng thể, tại nhóm quốc gia thu nhập cao cho thấy TFP và chất lượng thể chế có tác động dương nhưng tương tác của chúng lại có tác động âm ý nghĩa lên tăng trưởng. Điều này có thể gây ngạc nhiên, tuy nhiên, xét về bối cảnh các quốc gia thu nhập cao thì có thể phù hợp khi hầu hết các quốc gia thu nhập cao đều có môi trường thể chế tốt (các điểm số cho sáu biến thể chế đều dương) cùng với tăng trưởng năng suất khá cao và ổn định, ví dụ như Croatia, United Arab Emirates, Chile, Hungary. Vì vậy, việc nâng cao và cải cách thêm chất lượng thể chế có thể khiến các doanh

nh nghiệp, người dân phải mất nhiều thời gian và chi phí cho việc điều chỉnh để phù hợp với các qui định mới. Điều này trở thành trở ngại cho hoạt động của nền kinh tế vốn đang hoạt động với một năng suất và hiệu quả cao.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Bài viết đánh giá tác động của TFP, chất lượng thể chế, và tương tác của chúng lên tăng trưởng kinh tế ở 72 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1996-2014 qua bốn mẫu nghiên cứu. Các kết quả từ mô hình thực nghiệm cho thấy rằng chất lượng thể chế và TFP là những yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển nói chung. Đối với nhóm quốc gia thu nhập thấp thì chất lượng thể chế kém chính là rào cản cho tăng trưởng kinh tế. Do đó, tạo ra một môi trường thể chế tốt sẽ vừa có tác động trực tiếp tới tăng trưởng, vừa tạo ra động lực khuyến khích gia tăng năng suất trên tất cả các mặt của nền kinh tế. Một số hàm ý chính sách cho các quốc gia đang phát triển nhằm duy trì và đạt tăng trưởng trong dài hạn như sau:

(i) Nhóm các quốc gia này cần phải đạt tăng trưởng TFP và gia tăng sự đóng góp của TFP cho tăng trưởng kinh tế hơn nữa. Điều này thể hiện qua việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao tay nghề, kỹ năng cho người lao động; gia tăng tiếp nhận các công nghệ mới, phương pháp quản lý tiên tiến của các nước phát triển; sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, giảm thiểu lãng phí qua đó nâng cao hệ số ICOR của dòng vốn của cả khu vực tư và công; có chính sách thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế, để vừa kích thích sản xuất trong nước vừa tạo ra sự cạnh tranh cho các doanh nghiệp nội địa phải nâng cao năng suất của mình.

(ii) Thực thi triệt để các biện pháp để nâng cao chất lượng thể chế trong nước như: lắng nghe ý kiến của các chuyên gia kinh tế trước khi ban hành các chính sách; nghiên cứu và học tập kinh nghiệm ban hành các chính sách ở các nước phát triển; quá trình soạn thảo và ban hành các chính sách phải minh bạch, công khai và phải có khả năng loại trừ hành vi trục lợi và lợi ích nhóm. Bên cạnh đó, chính phủ các nước đang phát triển, đặc biệt là nhóm quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp cần tăng trách nhiệm giải trình đối với người dân; cải cách hành chính, áp dụng công nghệ vào quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của bộ máy chính quyền; nâng cao hơn nữa quyền tự do, dân chủ và các quyền về tài sản, quyền tự do kinh doanh của người dân; có biện pháp mạnh mẽ hơn nữa trong việc giảm tham nhũng. □

Tài liệu tham khảo

- Abdychev, A., Jirasavetakul, L.B.F., Jonelis, M.A.W., Leigh, M.L., Moheeput, A., Parulian, F., & Mama, A.T. (2015), 'Increasing Productivity Growth in Middle Income Countries', *IMF Working Papers 2015 (2)*, International Monetary Fund.
- Acemoglu, D., Johnson, S., & Robinson, J. A. (2001), 'The colonial origins of comparative development: An empirical investigation', *American Economic Review*, 91(5), 1369-1401.
- Acemoglu, D., Naidu, S., Restrepo, P., & Robinson, J. A. (2014), *Democracy does cause growth* (No. w20004), National Bureau of Economic Research.
- Andersen, T., & Jensen, P. (2013), *Institutions and growth accelerations* (No. 7/2013), Department of Business and Economics, University of Southern Denmark.
- Barro, R., & Sala-i-Martin, X. (1991), 'Convergence across States and Regions', *Brookings Papers on Economic Activity*, 22(1), 107-182.
- Coase, R. (1998), 'The new institutional economics', *The American Economic Review*, 88(2), 72-74.
- Daude, C., & Fernandez-Arias, E. (2010), 'On the Role of Productivity and Factor Accumulation in Economic Development in Latin America and the Caribbean (No. IDB-WP-155)', *IDB Working Paper Series*.
- Fayissa, B., & Gill, F. (2015), 'Revisiting the growth-governance relationship in developing Asian and Oceanic economies', *Journal of Economics and Finance*, 1-14.
- Gani, A. (2011), 'Governance and growth in developing countries', *Journal of Economic Issues*, 45(1), 19-40.
- Hall, R. E. and C. I. Jones (1999), 'Why do some countries produce so much more output per worker than others?', *The Quarterly Journal of Economics*, 114 (1), 83-166.
- Harrison, A. (1996), 'Openness and growth: A time-series, cross-country analysis for developing countries', *Journal of development Economics*, 48(2), 419-447.
- Henriksen, I., Lampe, M., & Sharp, P. (2011), 'The role of technology and institutions for growth: Danish creameries in the late nineteenth century', *European Review of Economic History*, 15(3), 475-493.
- Huang, H., & Xu, C. (1999), 'Institutions, innovations, and growth', *The American Economic Review*, 89(2), 438-444.
- Islam, N. (2008), 'Determinants of productivity across countries: an exploratory analysis', *The Journal of Developing Areas*, 42(1), 201-242.
- Knack, S., & Keefer, P. (1995), 'Institutions and economic performance: cross-country tests using alternative institutional measures', *Economics & Politics*, 7(3), 207-227.
- North, D. C. (1990), *Institutions, institutional change and economic performance*, Cambridge university press.
- North, D. C., & Thomas, R. P. (1973), *The rise of the western world: A new economic history*, Cambridge University Press.
- Park, J., (2012), 'Total factor productivity growth for 12 Asian economies: The past and the future', *Japan and the World Economy*, 24, 114-127.
- Reem Limam, Y., & Miller, S. (2004), *Explaining Economic Growth: Factor Accumulation, Total Factor Productivity Growth, and Production Efficiency Improvement* (No. 2004-20), University of Connecticut, Department of Economics.
- Romer, P. M. (1990), 'Endogenous Technological Change', *Journal of Political Economy*, 98 (5), 71-102.
- Siddiqui, D. A., & Ahmed, Q. M. (2013), 'The effect of institutions on economic growth: A global analysis based on GMM dynamic panel estimation', *Structural Change and Economic Dynamics*, 24, 18-33.
- Solow, R. M. (1956), 'A contribution to the theory of economic growth', *The quarterly journal of economics*, 70(1), 65-94.
- Solow, R. M. (2001), 'Applying growth theory across countries', *The World Bank Economic Review*, 15(2), 283-288.